## BÀI 28. NHÂN MỘT SỐ THẬP PHÂN VỚI 10, 100, 1 000,…

**(1 Tiết)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

Sau bài học này, HS sẽ: Thực hiện được phép nhân nhẩm một số thập phân với 10, 100, 1 000,

* Vận dụng vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

**2. Năng lực**

***Năng lực chung:***

* Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận với giáo viên và bạn bè để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
* Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

***Năng lực riêng:***

* Năng lực tư duy và lập luận toán học; Năng lực mô hình hóa.
* Năng lực giao tiếp và năng lực giải quyết vấn đề toán học.

**3. Phẩm chất**

* Chăm chỉ: Chăm học, ham học, có tinh thần tự học; chịu khó đọc sách giáo khoa, tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ cá nhân.
* Trung thực: trung thực trong thực hiện giải bài tập, thực hiện nhiệm vụ, ghi chép và rút ra kết luận.
* Yêu thích môn học, sáng tạo, có niềm hứng thú, say mê các con số để giải quyết bài toán.
* Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác, phát huy ý thức chủ động, trách nhiệm và bồi dưỡng sự tự tin, hứng thú trong việc học.

**II. PHƯƠNG PHÁP VÀ THIẾT BỊ DẠY HỌC**

**1. Phương pháp dạy học**

* Vấn đáp, động não, trực quan, hoạt động nhóm; Nêu vấn đề, giải quyết vấn đề.

**2. Thiết bị dạy học**

**a. Đối với giáo viên**

* Giáo án; Bộ đồ dùng dạy, học Toán 5; Máy tính, máy chiếu…..

**b. Đối với học sinh**

* Vở ghi, dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**  **a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú, kích thích sự tò mò của HS trước khi vào bài học.  **b. Cách thức tiến hành:**  - GV chiếu hình ảnh khởi động:    Và yêu cầu HS thảo luận, nói cho bạn nghe những điều quan sát được từ bức tranh.  GV đặt câu hỏi:  *+ Cân nặng của một chiếc kẹo nặng bao nhiêu gam?*  *+ 10 cái kẹo cân nặng bao nhiêu gam?*  *+ Mô tả tình huống trên bằng phép tính nhân.*  *+ 100 cái kẹo cân nặng bao nhiêu gam?*  *+ Mô tả tình huống trên bằng phép tính nhân.*  *-* GV dẫn dắt: “*Vậy cân nặng của 1 000 cái kẹo là bao nhiêu gam ?”*  - GV nhận xét, tuyên dương, dẫn dắt HS vào bài học: *“Sau đây, chúng ta cùng đi tìm câu trả lời cho câu hỏi trên trong bài học “****Bài 28: Nhân một số thập phân với 10, 100, 1000,…****”.*  **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **a. Mục tiêu:** Nhận biết và thực hiện phép cộng các số thập phân.  **b. Cách thức tiến hành**  - GV đặt vấn đề: Thực hiện phép tính sau:  *1,892 10*  - GV đặt câu hỏi:  + *Dựa vào bài toán mở đầu, em hãy nêu kết quả của phép tính trên.*  *+ Quan sát thừa số thứ nhất và tích, nhận xét vị trí của dấu phẩy.*  - GV cho HS thảo luận nhóm đôi, xét tương tự các tích sau:  *+ Tìm kết quả của phép tính:*  *1,892 100*  *+ Quan sát thừa số thứ nhất và tích, nhận xét vị trí của dấu phẩy.*  *+ Tìm kết quả của phép tính:*  *1,892 1000*  *+ Quan sát thừa số thứ nhất và tích, nhận xét vị trí của dấu phẩy.*  *+ Từ đó, HS dự đoán quy tắc nhân một số thập phân với 10, 100, 1000,…*  - GV nhận xét và chốt lại quy tắc:  ***Muốn nhân một số thập phân với 10, 100, 1000,… ta chỉ việc chuyển dấu phẩy của số đó lần lượt sang bên phải một, hai, ba,… chữ số.***  - GV yêu cầu HS nhắc lại.  - GV triển khai cho HS thực hiện các ví dụ:  *Thực hiện phép tính:*  *68,723 10*  *68,723 100*  *68,723 1 000*  *10,596 10*  *10,596 100*  *10,596 1 000*  **C. HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH, LUYỆN TẬP**  **a. Mục tiêu:** Thực hiện phép nhân số thập phân với 10, 100, 1000…  **b. Cách thức tiến hành**  ***Nhiệm vụ 1: Hoàn thành BT1***  *Tính nhẩm*   |  |  | | --- | --- | | *a) 3,87 10*  *49,8 10*  *261,9 10* | *b) 6,854 100*  *15,09 100*  *0,097 100* | | *c) 0,3865 1 000*  *6,794 1 000*  *15,961 1 000* | *d) 6,21 1 000*  *1,8 1 000*  *0,5 1 000* |   - GV cho HS làm bài cá nhân vào vở ghi.  - GV mời 4 HS trình bày kết quả. Cả lớp đối chiếu, nhận xét.  - GV chữa bài, chốt đáp án đúng và gọi 1 HS đứng dậy nhắc lại quy tắc nhân một số thập phân với 10, 100, 1000…  ***Nhiệm vụ 2: Hoàn thành BT2***  *Số ?*  *a) Một con ruồi giấm dài khoảng 0,35 cm. Một con chuồn chuồn có chiều dài gấp 10 lần chiều dài con ruồi giấm. Con chuồn chuồn đó dài khoảng ? cm.*  *b) Một con bọ rùa dài khoảng 7,62 mm. Hình ảnh phóng to của con bọ rùa đó dài gấp 100 lần chiều dài thực của nó. Hình ảnh phóng to của con bọ rùa đó dài khoảng ? mm.*    - GV cho HS thảo luận với bạn cùng bài, nói cho nhau nghe bài toán cho biết gì, bài toán hỏi gì, suy nghĩ lựa chọn phép tính phù hợp.  - GV gợi ý:  *a) + Con ruồi giấm dài bao nhiêu xăng-ti-mét?*  *+ Con chuồn chuồn dài gấp mấy lần?*  *+ Phép tính cần thực hiện là gì?*  *Làm tương tự với ý b)*  - GV mời 1 nhóm đứng dạy trình bày đáp án, các nhóm còn lại theo dõi, nhận xét.  **-** GV tổng kết, chốt đáp án.  ***Nhiệm vụ 3: Hoàn thành BT3***  *Số ?*    - GV cho HS quan sát tranh, phát biểu quy luật của bài toán.  - GV hướng dẫn:  *+ Quan sát máy thứ nhất: so sánh thừa số 0,341 (đầu vào) và tích 34,1 (đầu ra)*  *Phát hiện quy tắc vận hành của máy.*  *+ Quan sát máy thứ hai: so sánh thừ số 0,009 (đầu vào) và tích 0,9 (đầu ra)*  *Phát hiện quy tắc vận hành của máy.*  *+ Từ đó, phát hiện quy tắc để thực hiện điền dấu ? tiếp theo.*  - HS thực hiện; đổi vở kiểm tra chéo.  - GV mời 1 HS trình bày kết quả. Cả lớp đối chiếu, nhận xét.  - GV chữa bài, chốt đáp án đúng.  ***Nhiệm vụ 4: Hoàn thành BT4***  *Một đội công nhân lắp đặt sàn mới cho một hội trường hết 1 000 viên gạch hình vuông, mỗi viên có diện tích 0,36 m2. Tính diện tích mặt sàn hội trường đó.*  - GV cho HS đọc bài toán, nói cho bạn nghe bài toán cho biết gì, bài toán hỏi gì, tóm tắt bài toán.  - GV cho HS làm bài cá nhân vào vở.  - GV mời 1 HS lên bảng trình bày bài, HS ở dưới quan sát, nhận xét bài bạn.  - GV chữa bài, chốt đáp án.  **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG, TRẢI NGHIỆM**  **a. Mục tiêu:** Vận dụng giải quyết các bài toán thực tế liên quan đến phép nhân số thập phân với 10, 100, 1000,…  **b. Cách thức tiến hành**  ***Nhiệm vụ 1: Hoàn thành BT***  *a) Kết quả của phép tính sau là:*  *5,28 10 = ?*  *5,280 B. 52,8*  *C. 528 D. 50,28*  *b) Thực hiện phép tính:*  *0,16 100 = ?*  *A.* *16*  *B.* *160*  *C. 0,016*  *D. 0,1600*  *c) Điền dấu <; =;> thích hợp:*  *0,39 100 ….. 3,9 10*  *A. > B. = C. < D. Khác*  *d) Thực hiện phép tính sau:*  *3,45 10 – 20,5*  *A. 13 B. 14,5*  *C. 14 D. 15,4*  *e) Số thích hợp điền vào chỗ chấm là:*  *3,008 …. = 300,8*  *A. 10 B. 100*  *C. 1000 D. 10 000*  - GV cho HS làm bài cá nhân sau đó chia sẻ đáp án với bạn cùng bàn.  - GV mời một vài HS chia sẻ đáp án. Giải thích tại sao lại chọn phương án đó.  - GV chữa bài, chốt đáp án đúng.  ***Nhiệm vụ 2: Hoàn thành BT5***  *Người ta chở đến một bếp ăn bán trú 10 hộp cà chua và 10 hộp dưa chuột. Mỗi hộp cà chua cân nặng 4,5 kg, mỗi hộp dưa chuột cân nặng 12,5 kg. Hỏi bếp ăn bán trú đó đã nhận bao nhiêu ki-lô-gam cà chua và dưa chuột?*    - GV cho HS thảo luận nhóm đôi, nhận biết các bước thực hiện.  - GV khuyến khích HS làm bài theo nhiều cách khác nhau.  - HS trình bày bài giải vào vở cá nhân.  - GV mời 1 HS trình bày kết quả. Cả lớp lắng nghe, bổ sung ý kiến cho bạn.  - GV chữa bài, chốt đáp án đúng.  - GV hướng dẫn HS thực hiện theo cách khác.  *+ Số lượng cà chua và hộp dưa chuột có giống nhau không?*  *+ Có thể sử dụng tính chất phân phối giữa phép nhân và phép cộng để thực hiện tính không?*  *+ Tổng số ki-lô-gam của 1 hộp gồm cà chua và dưa chuột là gì?*  *+ Tổng số ki-lô-gam của 10 hộp gồm cà chua và dưa chuột là gì?*  - HS trình bày bài giải theo hướng dẫn trên.  **\* CỦNG CỐ**  - GV nhận xét, tóm tắt lại những nội dung chính của bài học.  - GV nhận xét, đánh giá sự tham gia của HS trong giờ học, khen ngợi những HS tích cực; nhắc nhở, động viên những HS còn chưa tích cực, nhút nhát.  **\* DẶN DÒ**  - Ôn tập kiến thức đã học*.*  - Hoàn thành bài tập trong SBT.  - Đọc và chuẩn bị trước Bài 29 – *Nhân một số thập phân với một số tự nhiên.* | - HS quan sát, thực hiện theo yêu cầu.  - HS chia sẻ về những gì quan sát được trong bức tranh.  + *1 cái kẹo cân nặng 1,892 g.*  + *10 cái kẹo cân nặng 18,92 g.*  *+ 1,892 10*  + *100 cái kẹo cân nặng 189,2 g*  *+ 1,892 100*  - HS chú ý nghe, hình thành động cơ học tập.  - HS lắng nghe.  - HS trả lời:  *+ 1,892 10 = 18,92*  + *Nếu chuyển dấu phẩy của thừa số 1,892 sang phải một chữ số, ta được tích 18,92.*  - HS thảo luận và trả lời:  *+ 1,892 100 = 189,2*  + *Nếu chuyển dấu phẩy của thừa số 1,892 sang phải hai chữ số, ta được tích 189,2.*  *+ 1,892 100 = 1892*  + *Nếu chuyển dấu phẩy của thừa số 1,892 sang phải ba chữ số, ta được tích 189,2.*  *+ HS phát biểu quy tắc.*  - HS chú ý, ghi chép vào vở.  - HS nhắc lại cá nhân, nhắc lại theo nhóm đôi.  - HS hoàn thành ví dụ:  *68,723 10 = 687,23*  *68,723 100 = 6872,3*  *68,723 1 000 = 68723*  *10,596 10 = 105,96*  *10,596 100 = 1059,6*  *10,596 1 000 = 10596*  - HS hoàn thành bài theo yêu cầu.  - Kết quả:  *a) 3,87 10 = 38,7*  *49,8 10 = 498*  *261,9 10 = 2619*  *b) 6,854 100 = 685,4*  *15,09 100 = 1509*  *0,097 100 = 9,7*  *c) 0,3865 1 000 = 386,5*  *6,794 1 000 = 6794*  *15,961 1 000 = 15961*  *d) 6,21 1 000 = 6210*  *1,8 1 000 = 1800*  *0,5 1 000 = 500*  - HS hoàn thành bài theo yêu cầu.  *+ Con ruồi giấm dài khoảng 0,35 cm.*  *+ Con chuồn chuồn dài gấp 10 lần.*  *+ 0,35 10 = 3,5 cm.*  - Kết quả:  *a) Con chuồn chuồn đó dài khoảng 3,5 cm.*  *b) Hình ảnh phóng to của con bọ rùa đó dài khoảng 762 mm.*  - HS trả lời:  *+ Dấu phẩy được dịch chuyển sang bên phải hai chữ số, tức là 0,341 100 = 34,1*  *+ Dấu phẩy được dịch chuyển sang bên phải hai chữ số, tức là 0,009 100 = 0,9*  - HS hoàn thành bài theo yêu cầu.  - Kết quả:  *+ Ta có: 5,66 100 = 566. Số phải tìm là ? = 566.*  *+ Ta có: 21,5 100 = 2150. Số phải tìm là ? = 2150.*  - HS hoàn thành bài theo yêu cầu.  Tóm tắt:  *Lắp đặt sàn hết: 1000 viên gạch*  *Diện tích 1 viên gạch: 0,36 m2*  *Diện tích mặt sàn: …m2?*  - Kết quả:  *Bài giải*  *Diện tích mặt sàn của hội trường là:*  *0,36 1000 = 360 (m2)*  *Đáp số: 360 m2*  - HS hoàn thành bài theo yêu cầu.  *a) Ta có: 5,28 10 =52,8*  *Vậy* ***chọn B.***  *b) Ta có: 0,16 100 = 16*  ***Chọn A.***  *c) Ta có: 0,39 100 = 39*  *3,9 10 = 39*  *Vậy 0,39 100 = 3,9 10*  ***Chọn B.***  *d) 3,45 10 – 20,5 = 34,5 – 20,5 = 14*  ***Chọn C.***  *e) 3,008 100 = 300,8*  ***Chọn B.***  - HS thảo luận, nhận biết việc cần làm:  *+ Tính số ki-lô-gam cà chua đã nhận.*  *+ Tính số ki-lô-gam dưa chuột đã nhận*  *+ Tính tổng số ki-lô-gam cà chua và dưa chuột đã nhận.*  - HS hoàn thành bài theo yêu cầu.  - Kết quả:  *Bài giải*  *Số ki-lô-gam cà chua là:*  *4,5 10 = 45 (kg)*  *Số ki-lô-gam dưa chuột là:*  *12,5 10 = 125 (kg)*  *Bếp ăn bán trú đó đã nhận số ki-lô-gam cà chua và dưa chuột là:*  *45 + 125 = 170 (kg)*  *Đáp số: 170 kg*  - HS trả lời:  *+ Số lượng cà chua và hộp dưa chuột đều nhập 10 hộp.*  *+ Có.*  *+ 4,5 + 12,5 = 17 (kg)*  *+ 17 10 = 170 kg*  - Kết quả:  *Bài giải*  *Một hộp gồm cà chua và dưa chuột cân nặng số ki-lô-gam là:*  *4,5 + 12,5 = 17 (kg)*  *Bếp ăn bán trú đó đã nhận số ki-lô-gam cà chua và dưa chuột là:*  *17 10 = 170 (kg)*  *Đáp số: 170 kg*  - HS chú ý lắng nghe, tiếp thu và rút kinh nghiệm.  - HS chú ý nghe, quan sát bảng và ghi vở. |

### Trò chơi 3: Kết bạn

- Áp dụng: Nhân một số thập phân với 10, 100, 1000,... Chia một số thập cho 10, 100, 1000,...

- Mục đích: Rèn luyện, củng cố kỹ năng tính nhẩm nhanh các phép tính nhân, chia các số thập phân với 10, 100, 1000... Luyện cho HS tác phong nhanh nhẹn, tinh mắt.

- Chuẩn bị: Giáo viên chuẩn bị 10 đến 15 tấm bìa hình chữ nhật kích thước 10x15 cm, có dây đeo. Mỗi tấm đều ghi một phép tính hoặc kết quả tương ứng.

- Ví dụ nội dung thẻ như sau:

Phép tính Kết quả

15,5 x 10 155

2,571 x 1000 2571

13,96 : 1000 0,01396

23,7 : 10 2, 37

0,9 x 100 90

432,9 : 100 4,329

- Thời gian chơi: 3 - 5 phút.

- Cách chơi: Học sinh xung phong lên rút thẻ của mình, sau đó tất cả đội tập hợp thành vòng tròn, các em đeo thẻ trước ngực, mỗi em tự quan sát số thẻ của mình và số thẻ của bạn. Tự tính nhẩm kết quả hoặc phép tính tương ứng với kết quả hoặc phép tính ghi trên thẻ của mình.

Yêu cầu cả đội nhảy lò cò, vừa hát vừa vỗ tay cùng cả lớp: “Nhảy lò cò cho cái giò nó khỏe, đi xen kẽ cho nó khỏe cái giò”. Khi giáo viên hô “Tìm bạn! tìm bạn!” các em phải nhanh chóng tìm và chạy về với bạn đeo thẻ có kết quả hoặc phép tính tương ứng với thẻ của mình. Những ai tìm đúng, tìm nhanh bạn mình nhất thì ghi được 10 điểm. Bạn nào tìm sai thì phải tự nhẩm lại để tìm đúng bạn mình. Sau một lượt giáo viên đổi thẻ lẫn lộn, sau đó cho các em tiếp tục chơi hoặc nhóm khác chơi.